TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST
Ngày 25-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel

Ông Nguyễn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc -Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B; Địa chỉ: Tầng A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số B đường T, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng S - Tổ trưởng Tổ khách hàng – PGD thành phố S – chi nhánh S1; Địa chỉ: Số A đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Văn bản uỷ quyền số 1160/2022/QĐ-LienVietPostBank.CNST, ngày 31/10/2022 - có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Đức H, sinh năm 1980 và bà Trần Thanh H1, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Số B đường L, khóm E, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như

tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S trình bày:

Ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B – chi nhánh S1 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD35B202000196 ký ngày 07/07/2020 như sau: Số tiền vay là 90.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; Phương thức cho vay từng lần; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả hàng tháng vào ngày 05, trả 48 kỳ, mỗi kỳ trả 1.875.000 đồng. Kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 05/08/2020; Kỳ hạn trả lãi: Trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình; Lãi suất cho vay: 10,4%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng, lãi trả cuối kỳ tại Ngân hàng (+) margin 3%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả hai bên thoả thuận bằng 10%/năm; Tài sản bảm đảm cho khoản vay: Không tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP B. Vì vậy Ngân hàng đã chuyển khoản vay trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày 05/10/2022. Từ ngày giải ngân 07/7/2020 đến ngày 05/9/2022 thì ông H và bà H1 đã trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 64.330.587 đồng (Trong đó nợ gốc 48.750.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 15.580.587 đồng). Sau đó, thì ông H và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 trả nợ cho Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền tính đến ngày 25/4/2023 là 44.818.808 đồng (trong đó số tiền gốc là 41.250.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.716.172 đồng; Lãi quá hạn là 777.313 đồng; Lãi chậm trả là 75.322 đồng.)

- Bị đơn ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 đã được Toà án cấp tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền vốn và lãi tính đến ngày 25/4/2023 là 44.818.808 đồng.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng TMCP B khởi kiện đối với ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1, có địa chỉ ở thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Đối với bị đơn ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Ngân hàng TMCP B với ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 có ký Hợp đồng tín dụng số HDTD35B202000196 ký ngày 07/07/2020 như sau: Số tiền vay là 90.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; Phương thức cho vay từng lần; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả hàng tháng vào ngày 05, trả 48 kỳ, mỗi kỳ trả 1.875.000 đồng. Kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 05/08/2020; Kỳ hạn trả lãi: Trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình; Lãi suất cho vay: 10,4%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng, lãi trả cuối kỳ tại Ngân hàng (+) margin 3%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả hai bên thoả thuận bằng 10%/năm; Tài sản bảm đảm cho khoản vay: Không tài sản bảo đảm. Xét việc hai bên thoả thuận ký hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên giao dịch có hiệu lực pháp luật.

[4] Từ ngày giải ngân 07/7/2020 đến ngày 05/9/2022 thì ông H và bà H1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền là 64.330.587 đồng (Trong đó nợ gốc 48.750.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 15.580.587 đồng). Sau ngày 05/9/2022, ông H và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP B đã chuyển khoản vay trên sang khoản nợ quá hạn từ ngày 05/10/2022. Tính đến ngày 25/4/2023 thì ông H và bà H1 còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền 44.818.808 đồng (trong đó số tiền gốc là 41.250.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.716.172

đồng; Lãi quá hạn là 777.313 đồng; Lãi chậm trả là 75.322 đồng). Do bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP B buộc ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 trả số tiền nợ gốc 41.250.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP B phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5]. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; Ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 phải chịu 2.240.940 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 95; Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B;

Buộc ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 25/4/2023 là 44.818.808 đồng (trong đó số tiền gốc là 41.250.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 2.716.172 đồng; Lãi quá hạn là 777.313 đồng; Lãi chậm trả là 75.322 đồng.)

Kể từ ngày 26/4/2023 ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 còn phải chịu khoản tiền của số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng HDTD35B202000196 ngày 07/7/2020.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Đức H và bà Trần Thanh H1 phải chịu án phí sơ thẩm là 2.240.940 đồng. Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000902 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày bản án được cấp, tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Văn Như